

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN THANH HÀ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN THANH HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110041111

3. Ngày thành lập: 24/06/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

79 Nguyễn Trường Tộ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 092 442 7945

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn thực phẩm	4632
6.	Bán buôn đồ uống	4633
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm)	4649
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
10.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Kinh doanh vàng trang sức	4662
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
14.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
15.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
16.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
17.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (loại trừ: dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá, dịch vụ lấy lại tài sản)	8299

19.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
20.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
21.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới bất động sản (trừ đấu giá)	6820
22.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
24.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
26.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
27.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
28.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
29.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
30.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
31.	Sản xuất chè	1076
32.	Sản xuất cà phê	1077
33.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
34.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
35.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
36.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
37.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
39.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
40.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ vận tải hàng không)	5229
44.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
45.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
46.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
47.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
48.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
49.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
50.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211

51.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
52.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
53.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
54.	Xây dựng nhà để ở	4101
55.	Xây dựng nhà không để ở	4102
56.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
57.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
58.	Xây dựng công trình điện	4221
59.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
60.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
61.	Xây dựng công trình thủy	4291
62.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
63.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
64.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
65.	Phá dỡ trừ hoạt động nổ mìn, rà phá bom mìn	4311
66.	Chuẩn bị mặt bằng trừ hoạt động nổ mìn, rà phá bom mìn	4312
67.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
68.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Việt Nam	1B Tổ 13A, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	37.500.000.000	75,000	013261185	
2	HOÀNG PHƯƠNG ANH	Việt Nam	17 ngõ 17 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	12.500.000.000	25,000	001183008483	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 28/02/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 013261185

Ngày cấp: 23/01/2010

Nơi cấp: Công an TP.Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 1B Tổ 13A, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 1B Tổ 13A, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội